

Số: 45 /2021/NQ-HĐND

Quảng Nam, ngày 08 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Nội dung và mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ
có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ TƯ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa
học và Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của
Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và
công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BKHHCN ngày 22 tháng 6 năm 2016 của
Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình hỗ trợ
ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh
tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số, giai đoạn 2016-2025;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHHCN ngày 22 tháng 4
năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với
nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 8399/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi đối
với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa
bàn tỉnh Quảng Nam; Báo cáo thẩm tra số 188/BC-HĐND ngày 03 tháng 12
năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo
luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nội dung và mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là KH&CN) có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, bao gồm:

1. Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở được quy định tại Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ.

2. Hội đồng tư vấn hoặc lấy ý kiến chuyên gia về đề xuất đặt hàng Chương trình "Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi" theo Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số, giai đoạn 2016 - 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động KH&CN có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam được quy định tại Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng định mức xây dựng và phân bổ dự toán

1. Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh áp dụng 100% mức chi quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị quyết này.

2. Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được áp dụng tối đa bằng 70% mức chi quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị quyết này.

3. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 4. Mức chi nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN được tính như sau:

TT	Chức danh	Hệ số chức danh nghiên cứu (H_{cd})	Hệ số lao động khoa học (H_{kh})	Hệ số tiền công theo ngày $H_{stcn} = (H_{cd} \times H_{kh})/22$
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	6,92	2,5	0,79
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	5,42	2,0	0,49
3	Thành viên	3,66	1,5	0,25
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	2,86	1,2	0,16

Trong đó: Số lượng thành viên và ngày công tham gia đối với mỗi chức danh (Chủ nhiệm nhiệm vụ; thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học; thành viên) phụ thuộc vào nội dung thực hiện theo thuyết minh nhiệm vụ KH&CN được Hội đồng khoa học xem xét, giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đảm bảo theo đúng các quy định của nhà nước.

2. Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu

a) Thuê chuyên gia trong nước

Trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ cho Hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Thuê chuyên gia trong nước theo ngày công thì mức dự toán thuê chuyên gia trong nước không quá 32.000.000 đồng/người/tháng (22 ngày/1 tháng).

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1 nêu trên.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trong trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ KH&CN có dự toán thuê chuyên gia trong nước vượt quá 32.000.000 đồng/người/tháng hoặc tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1 nêu trên.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước

Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho Hội đồng tư vấn đánh giá xem xét trình UBND tỉnh xem xét quyết định theo hợp đồng khoán việc. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1 nêu trên.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1 nêu trên.

c) Dự toán chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu

Nội dung và định mức chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu được xây dựng và thực hiện theo các quy định tại Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam về quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chế độ chi tổ chức đàm phán và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam và Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Quảng Nam về quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh. Ngoài ra, Nghị quyết này quy định mức xây dựng dự toán chi thù lao tối đa tham gia hội thảo khoa học, như sau:

Người chủ trì: 1.500.000 đồng/buổi hội thảo.

Thư ký: 500.000 đồng/buổi hội thảo.

Báo cáo viên trình bày tại hội thảo: 2.000.000 đồng/báo cáo.

Báo cáo khoa học được đơn vị tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo: 1.000.000 đồng/báo cáo.

Đại biểu tham gia hội thảo: 200.000 đồng/người/buổi.

d) Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định nội dung và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh.

đ) Dự toán chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có): Được xây dựng dự toán trên cơ sở số lượng thành viên hội đồng với mức 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này.

e) Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ KH&CN, bao gồm: chi điện, nước, các khoản chi hành chính phát sinh liên quan đảm bảo triển khai nhiệm vụ KH&CN tại tổ chức chủ trì; chi tiền lương, tiền công phân bổ đối với các hoạt động gián tiếp trong quá trình quản lý nhiệm vụ KH&CN của tổ chức chủ trì.

Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ KH&CN bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước, nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng.

Điều 5. Mức chi quản lý nhiệm vụ KH&CN

1. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi (Đvt: 1.000đ)
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN; tư vấn đề xuất đặt hàng dự án thuộc Chương trình "Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi"		
a	Chi họp Hội đồng	Hội đồng	
	Chủ tịch Hội đồng		1.000

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi (Đvt: 1.000đ)
	Phó Chủ tịch Hội đồng; ủy viên phản biện; ủy viên		800
	Thư ký hành chính		300
	Đại biểu được mời tham dự		200
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch, Phó Chủ tịch, ủy viên Hội đồng		300
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		500
2	Chi tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN		
a	Chi họp Hội đồng	Hội đồng	
	Chủ tịch Hội đồng		1.500
	Phó Chủ tịch Hội đồng; ủy viên phản biện; ủy viên		1.000
	Thư ký hành chính		300
	Đại biểu được mời tham dự		200
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch, Phó Chủ tịch, ủy viên Hội đồng		500
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700
3	Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&CN		
	Tổ trưởng Tổ thẩm định	Nhiệm vụ	700
	Thành viên Tổ thẩm định	Nhiệm vụ	500
	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	300
	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	200
4	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN		
a	Chi họp Hội đồng	Nhiệm vụ	
	Chủ tịch Hội đồng		1.500
	Phó Chủ tịch Hội đồng; ủy viên phản biện; ủy viên		1.000
	Thư ký hành chính		300
	Đại biểu được mời tham dự		200

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi (Đvt: 1.000đ)
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch, Phó Chủ tịch, ủy viên Hội đồng		500
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700

Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Trong trường hợp cần thiết (khi các Hội đồng tư vấn khoa học có ý kiến không thống nhất trong việc xem xét lựa chọn nhiệm vụ KH&CN; hoặc cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ KH&CN thấy cần thiết), cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ KH&CN có thể thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập.

Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính tối đa bằng 4 lần mức chi tiền công (bao gồm chi tiền công họp Hội đồng và chi nhận xét, đánh giá) của Chủ tịch Hội đồng tương ứng; giao Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn chi sự nghiệp KH&CN thuộc ngân sách tỉnh.
2. Kinh phí của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đối ứng thực hiện nhiệm vụ KH&CN.
3. Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Đối với các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định hiện hành tại thời điểm phê duyệt. Riêng đối với các nội dung chi quản lý nhiệm vụ KH&CN chưa phát sinh được quy định tại Điều 8, Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước thì thực hiện mức chi theo Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa X, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- BTVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Q.Nam, Đài PT-TH tỉnh Quảng Nam;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND (Thủy).

CHỦ TỊCH

Phan Việt Cường